

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ô 2/108A, Tổ 8, khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: F13/4B, ấp 6, xã VL, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ô 2/108A, Tổ 8, khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ô 1, Tổ 11, khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị Mộng K trình bày:

Chị và anh Lê Minh L chung sống với nhau vào năm 2003, có tìm hiểu trước khoảng 01 năm, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, chỉ tổ chức lễ tuyên bố cho hai gia đình biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G vào ngày 17-7-2008. Ngày làm lễ tuyên bố gia đình anh L có cho chị 01 đôi bông tai

01 chỉ vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K. Hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng chị đã bán để chăm sóc cho con. Sau đó vợ chồng chị về nhà cha mẹ chồng tại Ô 2/108A, khu phố H, thị trấn G, huyện G sinh sống và làm ăn.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L đi làm thợ hồ ở xa nên lâu lâu mới về nhà một lần, ban đầu khi về anh L có đưa tiền sinh hoạt trong gia đình cho chị, nhưng sau đó không đưa tiền nữa nên vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và anh L lại bỏ đi làm. Tuy nhiên, khi đi làm ăn xa anh L có quen với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài nên chị có hỏi anh L, anh L cũng thừa nhận đang quen với người phụ nữ khác và có lần anh L cũng dẫn người phụ nữ này về nhà cha mẹ chồng chị, nhưng do tôi đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nên không gặp được mà chị nghe con trai nói lại. Chị đã khuyên anh L nhiều lần nhưng anh L không quan tâm. Đến năm 2012 anh L bỏ nhà để theo người phụ nữ khác sống tại nhà trọ cũng gần nhà của cha mẹ chồng chị, nên chị buồn và bỏ đi xuống Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân may cho đến nay, vợ chồng chị ly thân nhau từ thời gian này. Kể từ ngày ly thân vợ chồng chị không gặp mặt do ở xa nhau và hiện nay anh L đã có 02 người con với người phụ nữ khác, nên anh chị không thể bàn bạc việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 người con tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15-6-2004. Hiện cháu Đ đang sống với anh L và mẹ chồng của chị nên chị yêu cầu giao cháu Đ cho anh L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Minh L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11-4-2019 đối với bà Trần Thị K (là mẹ ruột của anh L) cho biết như sau: Khi chung sống với bà thì vợ chồng anh L vẫn hạnh phúc, nhưng do anh L đi làm và có quen với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị K buồn và bỏ nhà xuống Thành phố Hồ Chí Minh đi làm cho đến nay. Hiện anh L đang sống chung tại nhà trọ với người phụ nữ khác cũng ở gần nhà của bà và họ đã có 02 người con gồm 01 con trai và 01 con gái.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh L, chị K được

ly hôn với anh L; về con chung: Giao cho anh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 15-6-2004, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[1.1] Về hôn nhân: Chị K và anh L chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay chị K có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị K thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị phát sinh từ việc ban đầu anh L đi làm và đưa tiền cho chị K sinh hoạt trong gia đình nhưng sau đó không đưa nữa, chị không biết anh L sử dụng tiền này vào mục đích gì. Anh L đi làm xa nên có quen với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, chị có hỏi và anh L cũng thừa nhận có sự việc này nên chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh L không thay đổi, vẫn tiếp tục sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài. Đến năm 2012 chị bỏ nhà chồng đi và vợ chồng chị ly thân từ thời gian này. Qua kết quả xác minh hiện anh L đang sống tại nhà trọ với người phụ nữ khác và đã có 02 người con. Việc làm này của anh L đã vi phạm đến tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 15-6-2004. Chị K yêu cầu giao cháu Đ cho anh L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kể từ ngày anh chị ly thân cho đến nay cháu Đ sống với anh L, bà Trần Thị K và qua xem xét nguyện vọng của cháu Đ là muốn được sống với anh L nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Đ cho anh L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cấp dưỡng nuôi con do anh L không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, mà chỉ ghi nhận nguyện vọng của chị K là không phải cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mộng K đối với anh Lê Minh L. Chị K được ly hôn với anh L.

2. *Về con chung*: Giao cho anh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 15-6-2004. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009011 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị K đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh

